

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2017/HNGĐ-ST.

Ngày 21/12/2017

*V/v: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình
của nam nữ chung sống với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông **Đặng Hoài Dinh**
- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1/ Ông **Mai Văn Thắm**
2/ Ông **Thái Kim Thành**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 636/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1997, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh D.

Tạm trú: ấp K, xã L, huyện M, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Lưu Văn B, sinh năm 1996, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện M, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Trúc M trình bày:

Chị và anh B chung sống với nhau từ khoảng tháng 9 năm 2016, có tìm hiểu trước khoảng một năm, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn vì thiếu hiểu biết pháp luật. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B đòi mua xe máy Sport nhưng chị M không đồng ý rồi chị M mua xe Vision nên vợ chồng cãi nhau rất nhiều lần và anh B giận bỏ đi. Ngoài ra chị M cũng thường xuyên mâu

thuần với gia đình chồng. Tháng 7/2017 chị M dọn đồ về sống cùng cha mẹ ruột, từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong quá trình chung sống giữa chị M và anh B không có con chung.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B. Tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản tự khai ngày 10 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Lưu Văn B trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị M về hôn nhân, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung chị M trình bày đúng sự thật. Anh B thừa nhận vợ chồng chung sống không có con chung, thường bất đồng quan điểm, có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay trước yêu cầu ly hôn của chị M, anh đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu, không ai có thiện chí đoàn tụ. Khi ly hôn, anh B rút lại yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M với anh B. Con chung không có, nợ chung đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung do anh B rút yêu cầu nên đình chỉ giải quyết. Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Cả nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc M và bị đơn anh Lưu Văn B đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng tất cả các đương sự là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị M và anh B tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn, mặc dù anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị M có yêu cầu ly hôn, anh B đồng ý ly hôn vì anh cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, anh chị ly thân nhau đã lâu không ai có thiện chí đoàn tụ. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh B.

[3] Về con chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: do anh B rút lại yêu cầu chia tài sản chung, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung cho anh B.

[5] Về nợ chung: Chị M, anh B không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M là tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M với anh B. Con chung không có, nợ chung đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung do anh B rút yêu cầu nên đình chỉ giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[7] Theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chỉ phải chịu án phí không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 217, 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Trúc M và anh Lưu Văn B.

2/ Về con chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh Lưu Văn B.

4/ Về nợ chung: Chị M, anh B không yêu cầu giải quyết.

5/ Án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị M đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012700 ngày 26-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Hoàn trả lại cho anh Lưu Văn B 350.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012764 ngày 10-11-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

6/ Chị M và anh B được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND T.N;
- VKSND H.M;
- CCTHADS H.M;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự./.

Đặng Hoài Dinh